

Số: /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực
Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và
Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 88/TTr-SNNMT ngày 03 tháng 02 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Phụ lục quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đính kèm), cụ thể:

1. Cấp tỉnh

Thay thế: 23 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính bằng 21 quy trình điện tử (trong đó có 04 quy trình được gộp thành 02 quy trình), gồm:

- 03 quy trình điện tử ban hành tại Quyết định số 1654/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước

thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Đồng Nai.

- 01 quy trình điện tử ban hành tại Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- 19 quy trình điện tử ban hành tại Quyết định số 1162/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt 79 quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ngành Nông nghiệp và Môi trường được Chủ tịch UBND ủy quyền Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết (*trong đó có 04 quy trình được gộp thành 02 quy trình*).

2. Cấp xã

Thay thế 01 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính ban hành tại Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước, Khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế các quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh có mã thủ tục: 1.004232, 1.004228, 1.004223, 1.004211, 1.004179, 1.004167, 1.000824, 1.011518, 1.012500, 1.004122, 2.001738, 1.004253, 1.012501, 2.001770, 1.004283, 1.012503, 1.012504, 2.001850, 1.013799; 1.012505 và 1.009669 (thành mã thủ tục: 1.014716); mã thủ tục: 1.012502 và 1.011516 (thành mã thủ tục: 2.002835) và quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính cấp xã có mã thủ tục: 1.001662 đã được phê duyệt tại các Quyết định số: 1654/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2025, 1162/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2025 và 313/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo các quy trình điện tử được phê duyệt tại Quyết định này.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật đầy đủ quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã

được công bố lên Hệ thống thông tin và giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trường Sơn

PHỤ LỤC

**QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THỂ THUỘC LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
I. CẤP TỈNH					
1. Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m³/ngày đêm. Mã thủ tục hành chính 1.004232– Một phần					
1.1. Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	1	- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m ³ /ngày đêm: 1.400.000 đồng.	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5	+ Công trình có quy mô khai thác từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm: 4.300.000 đồng.	
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	23,5	+ Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm: 5.900.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm: 8.700.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m ³ /ngày đêm: 700.000 đồng.	- Trường hợp đủ điều kiện cấp phép: Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình phê duyệt giấy phép. - Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép: Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản. - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
				+ Công trình có quy mô khai thác từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm: 2.150.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm: 2.950.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm: 4.350.000 đồng.	<i>thiện đề án: Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án và trình phê duyệt văn bản. Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</i>
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Tổng cộng thời gian giải quyết			30 ngày làm việc		
1.2. Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	-	-

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	12		
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Tổng cộng thời gian giải quyết			18 ngày làm việc		
2. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m³/ngày đêm, Mã thủ tục hành chính 1.004228 - Một phần					
2.1. Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	01	- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m ³ /ngày đêm: 700.000 đồng.	

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5	+ Công trình có quy mô khai thác từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm: 2.150.000 đồng.	
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	17,5	+ Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm: 2.950.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm: 4.350.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m ³ /ngày đêm: 350.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm: 1.075.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm: 1.475.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm: 2.175.000 đồng.	- Trường hợp đủ điều kiện cấp phép: Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình phê duyệt giấy phép. - Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép: Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản. - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo: Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần bổ sung, hoàn thiện báo cáo và trình phê duyệt văn bản. Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Tổng cộng thời gian giải quyết			<i>24 ngày làm việc</i>		

2.2. Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	12		
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1	-	-
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Tổng cộng thời gian giải quyết			<i>18 ngày làm việc</i>		
3. Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m³/ngày đêm, Mã thủ tục hành chính 1.004223 - Một phần					
3.1. Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	01	(1) Trường hợp thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m ³ /ngày đêm: 1.400.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm: 4.700.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm: 5.900.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm: 8.700.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m ³ /ngày đêm: 700.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm: 2.350.000 đồng.	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	23,5		- Trường hợp đủ điều kiện cấp phép: Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình phê duyệt giấy phép. - Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép: Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản. - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo: Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần bổ sung, hoàn thiện báo cáo và trình phê duyệt văn bản. Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
				+ Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm: 2.950.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm: 4.350.000 đồng.	vào thời gian thăm định báo cáo. Thời gian thăm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	01	(2) Trường hợp thăm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất	
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3	- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích:	
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5	+ Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m ³ /ngày đêm: 1.400.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm: 4.300.000 đồng.	
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	+ Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm: 5.900.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm: 8.700.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m ³ /ngày đêm: 700.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm: 2.150.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm: 2.950.000 đồng.	

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
				- Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm: 4.350.000 đồng.	
Tổng cộng thời gian giải quyết			30 ngày làm việc		
3.2. Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	12		
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Tổng cộng thời gian giải quyết			18 ngày làm việc		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
4. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m³/ngày đêm, Mã thủ tục hành chính 1.004211 (Một phần)					
4.1. Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	1	- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m ³ /ngày đêm: 700.000 đồng.	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5	+ Công trình có quy mô khai thác từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm: 2.150.000 đồng.	
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	17,5	+ Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm: 2.950.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm: 4.350.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m ³ /ngày đêm: 350.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm: 1.075.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm: 1.475.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm: 2.175.000 đồng.	- Trường hợp đủ điều kiện cấp phép: Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình phê duyệt giấy phép. - Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép: Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản. - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo: Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần bổ sung, hoàn thiện báo cáo và trình phê duyệt văn bản. Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
					<i>được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</i>
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Tổng cộng thời gian giải quyết			24 ngày làm việc		
4.2. Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	12		
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Tổng cộng thời gian giải quyết			18 ngày làm việc		
5. Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP), Mã thủ tục hành chính 1.004179 (Toàn trình)					
5.1 Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	1	(1) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 0,5 m ³ /giây và có dung tích toàn bộ dưới 500.000 m ³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 2 m ³ /giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ ; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 2 m ³ /giây; các mục đích khác với lưu lượng dưới 10.000 m ³ /ngày đêm.	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	23,5		- Trường hợp đủ điều kiện cấp phép: Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình phê duyệt giấy phép. - Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép: Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản.

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
				<p>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 1.800.000 đồng.</p> <p>- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 900.000 đồng.</p> <p>(2) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch dưới 60 m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước dưới 50m.</p>	<p>- Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án: Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án và trình phê duyệt văn bản.</p> <p>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</p>
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1	<p>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 4.700.000 đồng.</p>	
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3	<p>- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 2.350.000 đồng.</p>	
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5	<p>(3) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 0,5 m³/giây đến dưới 1 m³/giây và có dung tích toàn bộ từ 500.000 m³ đến dưới 2 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/giây đến dưới 3 m³/giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m³ đến dưới 10 triệu m³; công trình khai thác nước mặt khác hồ</p>	
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
				<p>chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/giây đến dưới 3 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 1.000 kW; các mục đích khác với lưu lượng từ 10.000 m³/ngày đêm đến dưới 30.000 m³/ngày đêm.</p> <p>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 4.700.000 đồng.</p> <p>- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 2.350.000 đồng.</p> <p>(4) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 1 m³/giây đến dưới 2 m³/giây và có dung tích toàn bộ từ 2 triệu m³ đến dưới 3 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 3 m³/giây đến dưới 5 m³/giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ từ 10 triệu m³ đến dưới 20 triệu m³; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 3 m³/giây đến dưới 5 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy từ 1.000 kW đến dưới 2.000 kW; các mục đích khác với lưu lượng từ 30.000 m³/ngày đêm đến dưới 50.000 m³/ngày đêm.</p>	

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
				<p>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 8.000.000 đồng.</p> <p>- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 4.000.000 đồng.</p> <p>(5) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 60 m đến dưới 100 m. Đối với cống ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 50 m đến dưới 100 m.</p> <p>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 11.000.000 đồng.</p> <p>- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 5.500.000 đồng.</p> <p>* Đối với trường hợp quy mô công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 100 m đến dưới 200 m. Đối với cống ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 100 m đến dưới 200 m: Quy mô phát sinh theo quy định mới của Nghị định sửa đổi, bổ sung</p>	

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
				<p><i>các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước, hiện chưa được quy định mức thu phí cụ thể trong Nghị quyết của HĐND tỉnh. Việc thu phí thẩm định được thực hiện theo quy định chuyển tiếp; trường hợp phát sinh hồ sơ trong thời gian chưa kịp ban hành hoặc điều chỉnh Nghị quyết, mức thu cụ thể được xác định và áp dụng theo mức thu tương ứng của nhóm công trình có quy mô, tính chất gần nhất theo Nghị quyết hiện hành của HĐND tỉnh và được ghi nhận trong quyết định giải quyết thủ tục hành chính, cho đến khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung mức thu phí phù hợp.</i></p> <p>(6) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/giây đến dưới 5 m³/giây và có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m³ đến dưới 5 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 5 m³/giây đến dưới 10 m³/giây; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác nước từ 5 m³/giây đến dưới 10 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000 kW đến dưới 5.000 kW.</p> <p>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 11.000.000 đồng.</p>	

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
				<p>- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 5.500.000 đồng.</p> <p>* Đối với trường hợp quy mô công trình khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 5.000 kW đến dưới 30.000 kW: Quy mô phát sinh theo quy định mới của Nghị định sửa đổi, bổ sung các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước, hiện chưa được quy định mức thu phí cụ thể trong Nghị quyết của HĐND tỉnh. Việc thu phí thẩm định được thực hiện theo quy định chuyển tiếp; trường hợp phát sinh hồ sơ trong thời gian chưa kịp ban hành hoặc điều chỉnh Nghị quyết, mức thu cụ thể được xác định và áp dụng theo mức thu tương ứng của nhóm công trình có quy mô, tính chất gần nhất theo Nghị quyết hiện hành của HĐND tỉnh và được ghi nhận trong quyết định giải quyết thủ tục hành chính, cho đến khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung mức thu phí phù hợp</p>	
Tổng cộng thời gian giải quyết			30 ngày làm việc		
5.2. Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	-	-
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	12		
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Tổng cộng thời gian giải quyết			18 ngày làm việc		
6. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển, Mã thủ tục hành chính 1.004167 (Một phần)					
6.1. Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu					

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	1	<p>(1) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 0,5 m³/giây và có dung tích toàn bộ dưới 500.000 m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 2 m³/giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 2 m³/giây; các mục đích khác với lưu lượng dưới 10.000 m³/ngày đêm.</p> <p>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 900.000 đồng.</p> <p>- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 450.000 đồng.</p> <p>(2) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch dưới 60 m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước dưới 50m.</p>	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5	- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 2.350.000 đồng.	

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	17,5	<p>- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 1.175.000 đồng.</p> <p>(3) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 0,5 m³/giây đến dưới 1 m³/giây và có dung tích toàn bộ từ 500.000 m³ đến dưới 2 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/giây đến dưới 3 m³/giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m³ đến dưới 10 triệu m³; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/giây đến dưới 3 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 1.000 kW; các mục đích khác với lưu lượng từ 10.000 m³/ngày đêm đến dưới 30.000 m³/ngày đêm.</p>	<p>- Trường hợp đủ điều kiện cấp phép: Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình phê duyệt giấy phép.</p> <p>- Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép: Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản.</p> <p>- Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án: Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án và trình phê duyệt văn bản.</p> <p>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</p>
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1	<p>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 2.350.000 đồng.</p> <p>- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 1.175.000 đồng.</p>	
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3	<p>(4) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 1 m³/giây đến dưới 2 m³/giây và có dung tích toàn bộ từ 2 triệu</p>	
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	m ³ đến dưới 3 triệu m ³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 3 m ³ /giây đến dưới 5 m ³ /giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ từ 10 triệu m ³ đến dưới 20 triệu m ³ ; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 3 m ³ /giây đến dưới 5 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy từ 1.000 kW đến dưới 2.000 kW; các mục đích khác với lưu lượng từ 30.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 50.000 m ³ /ngày đêm.	
Tổng cộng thời gian giải quyết			24 ngày làm việc	<p>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 4.000.000 đồng.</p> <p>- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 2.000.000 đồng.</p> <p>(5) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 60 m đến dưới 100 m. Đối với cống ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 50 m đến dưới 100 m.</p>	

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
				<p>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 5.500.000 đồng.</p> <p>- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 2.750.000 đồng.</p> <p>* Đối với trường hợp quy mô công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 100 m đến dưới 200 m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 100 m đến dưới 200 m: Quy mô phát sinh theo quy định mới của Nghị định sửa đổi, bổ sung các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước, hiện chưa được quy định mức thu phí cụ thể trong Nghị quyết của HĐND tỉnh. Việc thu phí thăm định được thực hiện theo quy định chuyển tiếp; trường hợp phát sinh hồ sơ trong thời gian chưa kịp ban hành hoặc điều chỉnh Nghị quyết, mức thu cụ thể được xác định và áp dụng theo mức thu tương ứng của nhóm công trình có quy mô, tính chất gần nhất theo Nghị quyết hiện hành của HĐND tỉnh và được ghi nhận trong quyết định giải quyết thủ tục hành chính, cho đến khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung mức thu phí phù hợp.</p>	

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
				<p>(6) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/giây đến dưới 5 m³/giây và có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m³ đến dưới 5 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 5 m³/giây đến dưới 10 m³/giây; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác nước từ 5 m³/giây đến dưới 10 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000 kW đến dưới 5.000 kW.</p> <p>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 5.500.000 đồng.</p> <p>- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 2.750.000 đồng.</p> <p><i>* Đối với trường hợp quy mô công trình khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 5.000 kW đến dưới 30.000 kW: Quy mô phát sinh theo quy định mới của Nghị định sửa đổi, bổ sung các nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước, hiện chưa được quy định mức thu phí cụ thể trong Nghị quyết của HĐND tỉnh. Việc thu phí thẩm định được thực hiện theo quy định chuyển tiếp; trường hợp phát sinh hồ sơ trong thời gian chưa kịp ban hành hoặc điều chỉnh Nghị quyết, mức thu cụ thể được xác định và áp dụng theo mức thu tương</i></p>	

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
					<i>ứng của nhóm công trình có quy mô, tính chất gần nhất theo Nghị quyết hiện hành của HĐND tỉnh và được ghi nhận trong quyết định giải quyết thủ tục hành chính, cho đến khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung mức thu phí phù hợp.</i>
6.2. Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	12		
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Tổng cộng thời gian giải quyết			18 ngày làm việc		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
7. Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh tương ứng: 1.000824 (Một phần)					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	(1) Trường hợp cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m ³ /ngày đêm: 420.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm: 1.290.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm: 1.770.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm: 2.610.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): + Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m ³ /ngày đêm: 210.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 200 m ³ /ngày đêm đến dưới 1.000 m ³ /ngày đêm: 645.000 đồng. + Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm: 885.000 đồng. - Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 5.000 m ³ /ngày đêm: 1.305.000 đồng.	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	6,5		
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,25		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
				<p>(2) Trường hợp cấp lại giấy phép khai thác nước dưới đất</p> <p>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích:</p> <p>+ Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m³/ngày đêm: 420.000 đồng.</p> <p>+ Công trình có quy mô khai thác từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 1.290.000 đồng.</p> <p>+ Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 1.770.000 đồng.</p> <p>- Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m³/ngày đêm đến dưới 5.000 m³/ngày đêm: 2.610.000 đồng.</p> <p>- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026):</p> <p>+ Công trình có quy mô khai thác dưới 200 m³/ngày đêm: 210.000 đồng.</p> <p>+ Công trình có quy mô khai thác từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 645.000 đồng.</p> <p>+ Công trình có quy mô khai thác từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 885.000 đồng.</p> <p>- Công trình có quy mô khai thác từ 3.000 m³/ngày đêm đến dưới 5.000 m³/ngày đêm: 1.305.000 đồng.</p> <p>(3) Trường hợp cấp lại giấy phép khai thác nước mặt</p> <p>a) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi</p>	

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
				<p>khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 0,5 m³/giây và có dung tích toàn bộ dưới 500.000 m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 2 m³/giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác dưới 2 m³/giây; các mục đích khác với lưu lượng dưới 10.000 m³/ngày đêm.</p> <p>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 540.000 đồng.</p> <p>- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 270.000 đồng.</p> <p>b) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch dưới 60 m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước dưới 50m.</p> <p>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 1.410.000 đồng.</p> <p>- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 705.000 đồng.</p>	

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
				<p>(3) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 0,5 m³/giây đến dưới 1 m³/giây và có dung tích toàn bộ từ 500.000 m³ đến dưới 2 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/giây đến dưới 3 m³/giây; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m³ đến dưới 10 triệu m³; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/giây đến dưới 3 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 1.000 kW; các mục đích khác với lưu lượng từ 10.000 m³/ngày đêm đến dưới 30.000 m³/ngày đêm.</p> <p>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 1.410.000 đồng.</p> <p>- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 705.000 đồng.</p> <p>(4) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 1 m³/giây đến dưới 2 m³/giây và có dung tích toàn bộ từ 2 triệu m³ đến dưới 3 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có</p>	

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
				<p>quy mô khai thác từ 3 m³/giờ đến dưới 5 m³/giờ; hồ chứa, đập dâng thủy lợi không thuộc các trường hợp nêu trên có dung tích toàn bộ từ 10 triệu m³ đến dưới 20 triệu m³; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 3 m³/giờ đến dưới 5 m³/giờ; phát điện với công suất lắp máy từ 1.000 kW đến dưới 2.000 kW; các mục đích khác với lưu lượng từ 30.000 m³/ngày đêm đến dưới 50.000 m³/ngày đêm.</p> <p>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 2.400.000 đồng.</p> <p>- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 1.200.000 đồng.</p> <p>(5) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 60 m đến dưới 100 m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 50 m đến dưới 100 m.</p> <p>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 3.300.000 đồng.</p> <p>- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 1.650.000 đồng.</p>	

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
				<p><i>* Đối với trường hợp quy mô công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 100 m đến dưới 200 m. Đối với công ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 100 m đến dưới 200 m: Việc thu phí sẽ được quy định chuyển tiếp trong Nghị quyết ban hành mức thu phí, lệ phí và trong giấy phép tài nguyên nước.</i></p> <p>(6) Trường hợp thẩm định đề án khai thác nước mặt cho: Hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/giây đến dưới 5 m³/giây và có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m³ đến dưới 5 triệu m³ hoặc hồ chứa, đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 5 m³/giây đến dưới 10 m³/giây; công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác nước từ 5 m³/giây đến dưới 10 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy từ 2.000 kW đến dưới 5.000 kW.</p> <p>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 3.300.000 đồng.</p>	

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
				<p>- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 1.650.000 đồng.</p> <p>* Đối với trường hợp quy mô công trình khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 5.000 kW đến dưới 30.000 kw: Việc thu phí sẽ được quy định chuyển tiếp trong Nghị quyết ban hành mức thu phí, lệ phí và trong giấy phép tài nguyên nước.</p>	
Tổng cộng thời gian giải quyết			11 ngày làm việc		
8. Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước, Mã thủ tục hành chính 1.011518 (Toàn trình)					
8.1. Trường hợp: hồ sơ nộp lần đầu					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	6,5		<p>- Trường hợp đủ điều kiện cấp phép: Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình phê duyệt giấy phép.</p> <p>- Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép: Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản.</p>

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
					- Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ: Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và trình phê duyệt văn bản. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc.
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,25		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		
Tổng cộng thời gian giải quyết			11 ngày làm việc		
8.2 Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
	hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)				
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	3,5		
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,25		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		
Tổng cộng thời gian giải quyết			06 ngày làm việc		
9. Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.012500 (Toàn trình)					
9.1. Trường hợp: hồ sơ nộp lần đầu					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	6,5		<p>- Trường hợp đủ điều kiện phê duyệt quyết định: Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình phê duyệt giấy phép.</p> <p>- Trường hợp không đủ điều kiện để phê duyệt quyết định: Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản.</p> <p>- Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ: Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và trình phê duyệt văn bản.</p> <p>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc.</p>
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,25		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		
Tổng cộng thời gian giải quyết			11 ngày làm việc		
9.2 Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	3,5		
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,25		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		
Tổng cộng thời gian giải quyết			06 ngày làm việc		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
10. Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.004232 – Một phần					
10.1. Trường hợp hồ sơ nộp lần đầu					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	7	<p>(1) Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 1.400.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 700.000 đồng. <p>(2) Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 4.200.000 đồng. - Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 2.100.000 đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp đủ điều kiện cấp phép: Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình phê duyệt giấy phép. - Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép: Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản. - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ: Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và trình phê duyệt văn bản. <p>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được</p>

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
					<i>bổ sung hoàn chỉnh là 5 ngày làm việc.</i>
Bước 4	Xem xét, ký Tờ trình và thông qua dự thảo giấy phép (nếu hồ sơ đạt)/Văn bản ý kiến (nếu hồ sơ không đạt)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5		
Bước 5	Trình phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	0,5		
Bước 6	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	2,5		
Bước 7	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		
Bước 8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		
Tổng cộng thời gian giải quyết			13 ngày làm việc		
10.2. Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	2		
Bước 4	Xem xét, ký Tờ trình và thông qua dự thảo giấy phép (nếu hồ sơ đạt)/Văn bản ý kiến (nếu hồ sơ không đạt)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25		
Bước 5	Trình phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	0,25		
Bước 6	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	1,5		
Bước 7	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,25		
Bước 8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		
11. Gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 2.001738 - Một phần					
11.1 Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25	(1) Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ - Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 700.000 đồng.	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	2,5	<p>- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 350.000 đồng.</p> <p>(2) Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và lớn</p> <p>- Nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích: 2.100.000 đồng.</p> <p>- Nộp trực tuyến (mức thu DVCTT áp dụng đến hết ngày 31/12/2026): 1.050.000 đồng.</p>	<p>- Trường hợp đủ điều kiện cấp phép: Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình phê duyệt giấy phép.</p> <p>- Trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép: Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản.</p> <p>- Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ: Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và trình phê duyệt văn bản.</p> <p>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 03 ngày làm việc.</p>
Bước 4	Xem xét, ký Tờ trình và thông qua dự thảo giấy phép (nếu hồ sơ đạt)/Văn bản ý kiến (nếu hồ sơ không đạt)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Trình phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	0,5		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 6	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	2		
Bước 7	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,25		
Bước 8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		
Tổng cộng thời gian giải quyết			07 ngày làm việc		
11.2 Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5	-	-
Bước 4	Xem xét, ký Tờ trình và thông qua dự thảo giấy phép (nếu hồ sơ đạt)/Văn bản ý kiến (nếu hồ sơ không đạt)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25		
Bước 5	Trình phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	0,25		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 6	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	1		
Bước 7	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,25		
Bước 8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		
12. Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.004253 – Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,75		
Bước 4	Xem xét, ký Tờ trình và thông qua dự thảo giấy phép (nếu hồ sơ đạt)/Văn bản ý kiến (nếu hồ sơ không đạt)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Trình phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	0,25		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 6	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	2		
Bước 7	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,25		
Bước 8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		
Tổng cộng thời gian giải quyết			06 ngày làm việc		
13. Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.012501 – Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,75		
Bước 4	Xem xét, ký Tờ trình và thông qua dự thảo quyết định (nếu hồ sơ đạt)/Văn bản ý kiến (nếu hồ sơ không đạt)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 5	Trình phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	0,25		
Bước 6	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	2		
Bước 7	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,25		
Bước 8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		
Tổng cộng thời gian giải quyết			06 ngày làm việc		
14. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 2.001770 - Toàn trình					
14.1. Trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước					
* Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	1	Không quy định	<i>Việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được thực hiện đồng thời với việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước</i>
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	23,5		
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0.5		
Tổng cộng thời gian giải quyết			30 ngày làm việc		
* Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	12		
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Tổng cộng thời gian giải quyết			18 ngày làm việc		
14.2. Trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước					
* Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	1		<i>Việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được thực hiện đồng thời với việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước</i>
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	17,5		
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Tổng cộng thời gian giải quyết			24 ngày làm việc		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
* Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	12		
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Tổng cộng thời gian giải quyết			18 ngày làm việc		
15. Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.004283 – Toàn trình					
15.1. Trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP uộc sửa đổi, bổ sung bởi khoản 33 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP					
* Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	1	Không quy định	<i>Việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ được thực hiện đồng thời với việc tiếp nhận, thẩm định hồ</i>

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		<i>sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước</i>
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	17,5		
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Tổng cộng thời gian giải quyết			24 ngày làm việc		
* Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	12		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Tổng cộng thời gian giải quyết			18 ngày làm việc		
15.2. Trường hợp theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, I và k khoản 1 Điều 52 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 33 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP					
* Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	6,5		- Trường hợp đủ điều kiện phê duyệt quyết định: Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình phê duyệt quyết định. - Trường hợp không đủ điều kiện giải quyết: Dự

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
					<p><i>thảo vấn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản.</i></p> <p><i>- Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ: Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và trình phê duyệt văn bản.</i></p> <p><i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh là 07 ngày làm việc.</i></p>
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,25		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		
Tổng cộng thời gian giải quyết			<i>11 ngày làm việc</i>		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
* Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	4,5		
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,25		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		
Tổng cộng thời gian giải quyết			07 ngày làm việc		
16. Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.012503 (Toàn trình)					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	7,5		
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,25		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		
Tổng cộng thời gian giải quyết			12 ngày làm việc		
17. Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.012504 (Toàn trình)					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	7,5		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,25		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		
Tổng cộng thời gian giải quyết			12 ngày làm việc		
18. Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 2.001850 (Toàn trình)					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	1	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	19		
Bước 4	Xem xét, ký Tờ trình và thông qua dự thảo quyết định (nếu hồ sơ đạt)/Văn bản ý kiến (nếu hồ sơ không đạt)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 5	Trình phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	0,5		
Bước 6	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	5		
Bước 7	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		
Bước 8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Tổng cộng thời gian giải quyết			29 ngày làm việc		
19. Lấy ý kiến về tác động của công trình khai thác nước, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.013799 (Một phần)					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	1	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	19,5		
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Tổng cộng thời gian giải quyết			26 ngày làm việc		
20. Đăng ký khai thác nước mặt, nước biển, đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 2.002835 (Một phần)					
20.1. Trường hợp công trình khai thác nước không phải là hồ chứa, đập dâng					
* Trường hợp nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	4,5		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,25		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		
Tổng cộng thời gian giải quyết			07 ngày làm việc		
* Trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa UBND cấp xã					
Bước 1	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Bộ phận Một cửa cấp xã	0,25		
Bước 2	Luân chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn để thẩm định	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	4,5		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,25		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		
Tổng cộng thời gian giải quyết			07 ngày làm việc		
20.2. Trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trong vòng 20 ngày làm việc					
* Trường hợp nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm PVHCC tỉnh	0,5	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	14		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Tổng cộng thời gian giải quyết			20 ngày làm việc		
* Trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa UBND cấp xã					
Bước 1	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã	0,5		
Bước 2	Luân chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn để thẩm định	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	14		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	3		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Tổng cộng thời gian giải quyết			20 ngày làm việc		

21. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành hoặc đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.014716 (Toàn trình)

*** Trường hợp nộp hồ sơ lần đầu**

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	6,5		- Trường hợp đủ điều kiện phê duyệt quyết định: Dự thảo kết quả giải quyết TTHC và trình

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
					<p><i>phê duyệt quyết định.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp không đủ điều kiện để giải quyết: Dự thảo văn bản thông báo lý do và trình phê duyệt văn bản. - Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ: Dự thảo văn bản thông báo nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và trình phê duyệt văn bản. <p><i>Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh là 10 ngày làm việc.</i></p>
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,25		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
Tổng cộng thời gian giải quyết			<i>11 ngày làm việc</i>		
<i>* Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện</i>					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,5		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	5,5		
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	1		
Bước 5	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2		
Bước 6	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,25		
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25		
Tổng cộng thời gian giải quyết			<i>10 ngày làm việc</i>		

Bước thực hiện	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	PHÍ, LỆ PHÍ (VNĐ)	GHI CHÚ
II. CẤP XÃ					
1. Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.001662 (Toàn trình)					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc trực tuyến)	Bộ phận Một cửa	0,25	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn - UBND cấp xã	0,25		
Bước 2	Thẩm định, xử lý hồ sơ:	Phòng chuyên môn - UBND cấp xã	5		
Bước 3	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND cấp xã	1		
Bước 4	Phát hành kết quả giải quyết TTHC	Văn thư UBND cấp xã	0,25		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa	0,25		
Tổng cộng thời gian giải quyết			07 ngày làm việc		